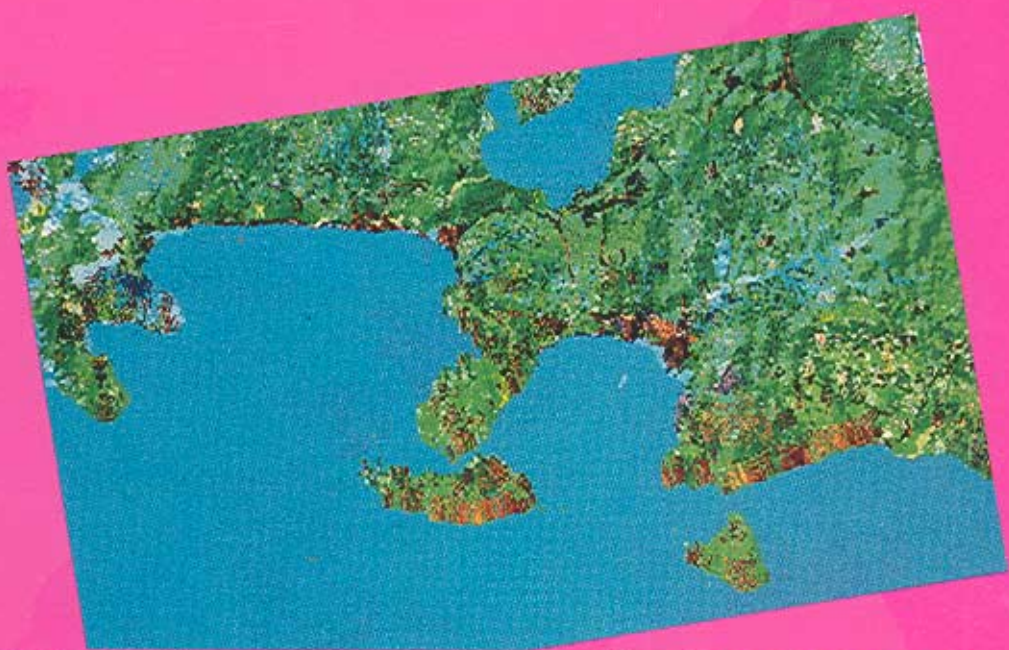


Phát Huy Thành Quả Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ

Các Thực Hành
có Hiệu Quả
trong việc
Hình Thành,
Thiết Kế và
Thực Hiện
Sáng Kiến
Quản Lý
Tổng Hợp
Vùng Bờ



Hội Thảo Quốc Tế về
Quản Lý Tổng Hợp
Vùng Bờ ở Các Nước
Nhiệt Đới Đang Phát
Triển: Những Bài Học
Thành Công và Thất Bại

1 9 9 6



NEA

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC MÔI TRƯỜNG

Phát Huy Thành Quả Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ

Các Thực Hành có Hiệu Quả trong việc
Hình Thành, Thiết Kế và Thực Hiện
Sáng Kiến Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ

Báo cáo về những kết quả chính của Hội Thảo Quốc Tế về Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ tổ chức tại Hạ Môn, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, từ 24 đến 28 tháng 5 năm 1996. Hội thảo đã nhận được sự ủng hộ của: Chương Trình Phát Triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Tổ Chức Biển Quốc Tế (IMO), Tổ Chức Hợp Tác về Môi Trường và Phát Triển Đan Mạch (DANCED), Tổ Chức Phát Triển Quốc Tế Thụy Điển (SIDA), Trung Tâm Quản Lý Đới Bờ (CMC), Philip-pin, Trung Tâm Tài Nguyên Vùng Bờ (CRC), Trường Đại Học Tổng Hợp Đào Rhode, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, và Ủy Ban Hải Dương Quốc Gia (SOA), Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

PHÁT HUY THÀNH QUẢ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ

Các Thực Hành có Hiệu Quả trong việc
Hình Thành, Thiết Kế và Thực Hiện
Sáng Kiến Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ

1996

Nguyên bản tiếng Anh do

Chương Trình Khu Vực về Ngăn Ngừa
và Quản Lý Ô Nhiễm Các Biển Đông Á/
IMO/UNDP/Quỹ Môi Trường Toàn Cầu (GEF)

và Trung Tâm Quản Lý Đới Bờ, Phi-lip-pin

biên soạn

Cục Môi Trường, Việt Nam tổ chức dịch và
hiệu đính

In tại thành phố Quezon, Phi-lip-pin

IWICM (Hội Thảo Quốc Tế về Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ ở Các Nước Nhiệt Đới Đang Phát Triển: Những Bài Học Thành Công và Thất Bại), 1996. Phát huy thành quả quản lý tổng hợp vùng bờ: Các thực hành có hiệu quả trong việc hình thành, thiết kế và thực hiện các sáng kiến quản lý tổng hợp vùng bờ. Báo cáo kỹ thuật MPP-EAS số 2, 32 trang. Chương Trình Khu Vực Về Ngăn Ngừa Và Quản Lý Ô Nhiễm Các Biển Đông Á, IMO, UNDP, GEF và Trung Tâm Quản Lý Đới Bờ, Quezon, Phi-lip-pin.

ISBN-971-91646-3-8

LỜI NÓI ĐẦU

Kể từ khi có Chương Trình Nghị Sự 21 của Hội Nghị Liên Hợp Quốc về Môi Trường và Phát Triển, nhiều nỗ lực đã được đưa ra nhằm phát triển các chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ (QLTHVB) và hướng dẫn thực hiện chúng. Vùng bờ là duy nhất và biến động theo cả không gian và thời gian. Điều đó đã dẫn tới những mô hình khác biệt về QLTHVB và việc thực hiện nó. Kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn khác nhau của những người thực thi cũng góp một phần đáng kể vào sự khác biệt này. Mặc dù vậy, mọi sáng kiến QLTHVB trong quá khứ và hiện tại đều được đưa ra với mục tiêu chung là bảo vệ môi trường biển và đạt được sự phát triển bền vững các vùng biển và ven bờ.

Trong khi một số thành công và thất bại của các sáng kiến QLTHVB trước đây được ghi nhận thì chưa có một nỗ lực nào được đưa ra nhằm xác định các thực hành có hiệu quả cần áp dụng khi triển khai các chương trình QLTHVB trong tương lai. Dưới sự lãnh đạo của các chính quyền trung ương, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ, hiện nay các cơ quan tài trợ cũng ưu tiên QLTHVB trong chương trình hoạt động của mình. Trong những thập kỷ tới, QLTHVB chắc chắn sẽ trở nên phổ dụng; vì vậy, đây là lúc phải xác định các thực hành có hiệu quả của nó.

QLTHVB được xem là cần thiết nhất đối với các nước nhiệt đới đang phát triển đặc trưng bởi các nguồn tài nguyên biển giàu có và đa dạng nhưng có mật độ dân số cao dọc theo đới bờ của chúng. So với các nước đã phát triển, nguy cơ suy thoái môi trường ở những nước này cao hơn. Đó là do có quá nhiều các hoạt động không thể kiểm soát nổi đã ảnh hưởng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đến vùng bờ.

Hội Thảo Quốc Tế về Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ ở Các Nước Nhiệt Đới Đang Phát Triển: Những Bài Học Thành Công và Thất Bại đã được chỉ đạo nhằm đáp ứng các mối quan tâm nói trên. Hội thảo này được tổ chức tại Hạ Môn, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, từ 24 đến 28 tháng 5 năm 1996. Đó là nơi đưa ra những ý tưởng của các nhà thực hành tham gia hội thảo. Gần 130 đại biểu từ 19 nước và 11 tổ chức quốc tế và khu vực đã trao đổi quan điểm và kinh nghiệm làm cơ sở cho việc hình thành sự xác định tập thể về các thực hành có hiệu quả của QLTHVB.

Tài liệu này chứa đựng những kết quả chính của hội thảo và được đưa ra nhằm đảm bảo cho các chương trình QLTHVB trong tương lai đi đúng quỹ đạo.

Các kết quả trong báo cáo này dựa trên sự đóng góp của các thành viên hội thảo, mô tả tổng quan quá trình hình thành, thiết kế, thực hiện và mở rộng Quản Lý Tổng Hợp Vùng Bờ ở khu vực Đông Á. Chúng cũng có thể có giá trị đối với các khu vực khác trên thế giới.

Nhằm thu hút đồng đảo độc giả và nâng cao nhận thức của họ, tài liệu này được dịch ra nhiều thứ tiếng, đặc biệt là tiếng Trung Hoa, tiếng Thái, tiếng Hàn Quốc, tiếng Việt, tiếng Ba-ha-sa (In-đô-nê-xia/Ma-lai-xia), tiếng Tây-ban-nha và tiếng Pháp.

Tài liệu này được biên soạn với sự nỗ lực phối hợp của Ts. Peter Burbridge, Ts. Stephen Olsen, Ts. Richard Kenchington, Ts. Kenneth Brown, Ts. Sanit Aksornkoae, Ts. Chia Lin Sien, Ts. Jayampathy Samarakoon và bà Sarah Humphrey. Chúng tôi xin ghi nhận sự đóng góp của ông S. Adrian Ross, ông Jimmy Ronquillo, bà Nancy Bermas và Ts. Ranjith de Silva trong giai đoạn chuẩn bị tài liệu. Cuối cùng, tài liệu này không thể hoàn thành được nếu không có sự ủng hộ lớn về tài chính của SIDA, DANCED và SOA.

CHUA THIA-ENG

Giám Đốc Chương Trình Khu Vực Về Ngăn Ngừa Và
Quản Lý Ô Nhiễm Các Biền Đông Á/IMO/UNDP/GEF
Ma-ni-la, Phi-lip-pin.

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có dải bờ biển dài trên 3200 km và hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ. Việc quản lý vùng bờ là vấn đề lớn luôn được đặt ra. Thực tế cho thấy đây là vùng rất phức tạp, nhạy cảm về nhiều mặt, là vùng ít được điều tra nghiên cứu nhưng lại có rất nhiều triển vọng cho phát triển, do đó rất dễ xảy ra tranh chấp, xung đột. Tình hình trên thường dẫn đến các kết quả không mong muốn: sự xuống cấp nghiêm trọng về tài nguyên và môi trường và sự kém an toàn của vùng ven bờ. Cục Môi trường đã tổ chức nhiều nghiên cứu về vùng ven bờ thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu của nhà nước và địa phương và việc thực hiện các dự án có sự tài trợ của nhiều nước, các tổ chức quốc tế và khu vực. Nhiều tài liệu có giá trị về quản lý vùng ven bờ đã được công bố, kể cả tài liệu dịch.

Lần này, với sự gợi ý và trợ giúp tài chính của TS. Chua Thia-Eng, giám đốc Chương trình Khu vực về Ngăn ngừa và Quản lý Ô nhiễm các biển Đông Á, Cục Môi trường tổ chức dịch và công bố tài liệu " Phát huy thành quả quản lý tổng hợp vùng bờ", kết quả của hội thảo quốc tế về quản lý tổng hợp vùng bờ được tổ chức vừa qua tại CHND Trung Hoa. TS. Chua Thia-Eng cũng là người đã và đang có nhiều đóng góp và giúp đỡ Việt nam trong việc thực hiện các dự án liên quan.

Chúng tôi xin cảm ơn TS. Chua Thia-Eng và các tổ chức đã hỗ trợ hội thảo quan trọng nói trên, cảm ơn tất cả những người đã đóng góp cho sự thành công của hội thảo, những người đã biên soạn tài liệu và dịch sang tiếng Việt. Chúng tôi trân trọng giới thiệu tài liệu này cùng bạn đọc.

PTS. Nguyễn Ngọc Sinh
Cục trưởng Cục Môi trường

KHÁI NIỆM

Sự phát triển bền vững các vùng bờ đa dạng và giàu có trên trái đất luôn bị ảnh hưởng bởi những hình thức hoạt động phức tạp của con người và sự tranh đua quyết liệt giữa các ngành kinh tế khác nhau. Các tiếp cận theo ngành đến sự phát triển và qui hoạch sử dụng đất trước đây đã không thành công trong việc sử dụng hợp lý và lâu bền thành phần quan trọng và phức tạp nhất này của hệ sinh thái toàn cầu. Quản lý tổng hợp vùng bờ (QLTHVB) là sự thay thế thuyết phục và khả thi cho các phương án truyền thống trong qui hoạch và quản lý vùng bờ.



Vùng bờ mơ ước

QLTHVB cung cấp khuôn mẫu và công cụ thực tế cho các nhà làm chính sách, làm kế hoạch và quản lý tài nguyên để đương đầu với những thử thách mới của sự phát triển bền vững vùng bờ. Vùng bờ là một tầm khám được tạo bởi các hệ sinh thái và các nguồn tài nguyên đa dạng, giàu có, có tầm quan trọng chiến lược đối với lợi ích kinh tế, xã hội và sự phát triển của tất cả các dân tộc. Nếu áp dụng đồng bộ và đúng lúc, QLTHVB sẽ giúp cho việc đầu tư hợp lý và sử dụng lâu bền các vùng bờ và các hệ tài nguyên thiên nhiên ở đó.

QLTHVB là một quá trình động. Thời gian cần thiết cho việc hoàn thành các giai đoạn của cả chương trình QLTHVB có thể thay đổi tùy thuộc vào năng lực tổ chức và sự phức tạp của các vấn đề quan tâm. Ban đầu, sáng kiến QLTHVB được thiết kế nhằm phát triển nhận thức cộng đồng, xây dựng tiềm lực, mở rộng hợp tác, tăng cường các cơ cấu tổ chức và pháp luật, xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cho các vấn đề đã xác định. Cùng với việc phát triển kinh nghiệm và kỹ năng, phạm vi của chương trình QLTHVB được mở rộng nhằm giải quyết những vấn đề mới, khai thác những cơ hội phát triển mới, và tiếp tục tăng cường các kỹ năng quản lý, sự hợp tác, cộng tác và sự hợp nhất phát triển với bảo vệ môi trường.

CHỨC NĂNG



QLTHVB hoàn thiện các dạng quy hoạch phát triển truyền thống theo bốn cách khác nhau sau:

- Tăng cường nhận thức đầy đủ về các hệ tài nguyên thiên nhiên duy nhất đối với vùng bờ và tính bền vững của chúng trong phạm vi hoạt động đa dạng của con người.

- Tối ưu hóa việc sử dụng đa mục tiêu các hệ tài nguyên vùng bờ thông qua việc tổng hợp các thông tin sinh thái, xã hội và kinh tế.

- Triển khai các cách tiếp cận đa ngành, hợp tác và phối hợp liên ngành nhằm giải quyết những vấn đề phát triển phức tạp, đồng thời xây dựng các chiến lược tổng hợp cho việc mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động kinh tế.

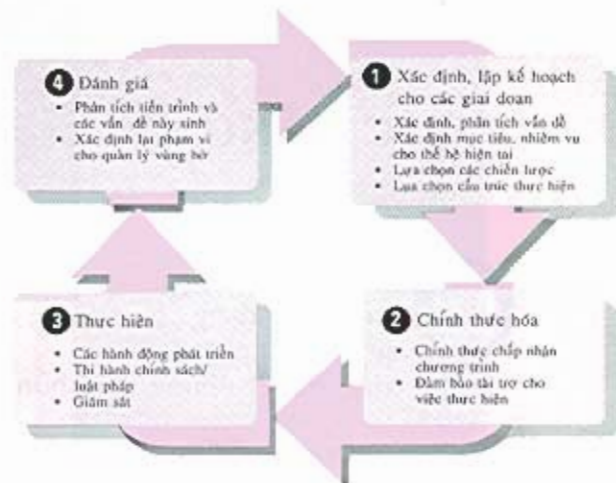
- Giúp chính quyền nâng cao năng suất và hiệu quả của việc đầu tư tài chính, tài nguyên thiên nhiên và nhân lực nhằm đạt các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, và thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến môi trường biển và ven bờ.

Khác với các hình thức qui hoạch phát triển khác, QLTHVB làm cho việc tối ưu hóa các lợi ích kinh tế và xã hội do việc sử dụng tài nguyên mang lại trở nên dễ dàng hơn. Nơi mà sự phát triển bền vững phụ thuộc vào nguồn tài nguyên có khả năng phục hồi do các hệ ven bờ sinh ra, ví dụ như cửa sông, QLTHVB sẽ làm thuận tiện việc quản lý sử dụng đa mục tiêu, mà việc quản lý này duy trì được tính tổng hợp về chức năng của các hệ ven bờ và sự ổn định của các nguồn tài nguyên. Tất cả các dạng phát triển đều tác động đến chất lượng và năng suất của các hệ sinh thái ven bờ. Do đó, sự phát triển kinh tế xã hội bền vững vùng bờ không thể tách rời khỏi việc qui hoạch và quản lý môi trường lành mạnh. Điều này có tầm quan trọng đối với các ngành kinh tế đang phát triển phụ thuộc nặng nề vào chất lượng môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm cũng như đối với các ngành kinh tế đã phát triển với các hình thức phát triển vùng bờ tiên tiến.

QLTHVB cũng là một công cụ để giải quyết các vấn đề quốc tế xuyên biên giới như ô nhiễm biển, khai thác quá mức các nguồn tài nguyên chung và bảo vệ đa dạng sinh học.

QUÁ TRÌNH

QLTHVB là cơ chế qui hoạch và quản lý phòng ngừa hiệu quả nhất. Việc triển khai các sáng kiến QLTHVB bao gồm các bước sau:



1. Nhận thức

- Phát triển nhận thức về giá trị các nguồn tài nguyên ven bờ trong các chương trình phát triển kinh tế xã hội quốc gia.
- Phát triển nhận thức rằng các hệ sinh thái ven bờ có khả năng chịu được hơn một hoạt động kinh tế hoặc xã hội.
- Phát triển nhận thức về sự phụ thuộc chung của các nhóm khác nhau vào sự có được các vật phẩm và lợi ích do các hệ ven bờ mang đến.

2. Hợp tác

- Thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan chuyên ngành khác nhau - khu vực tư nhân và các nhóm cộng đồng - để đạt được các mục đích chung.

3. Phối hợp

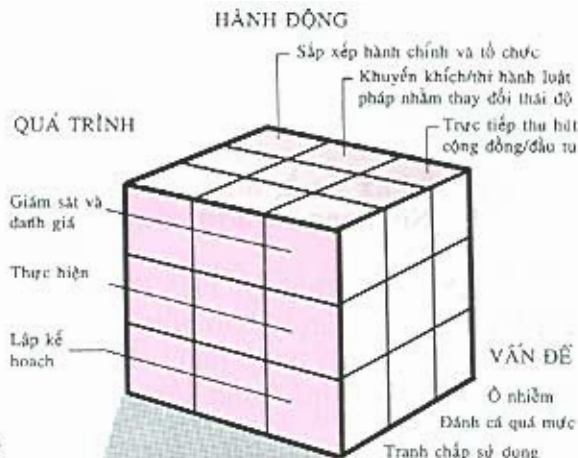
- Phát triển các chính sách phối hợp, chiến lược đầu tư, tổ chức quản lý và các tiêu chuẩn hợp lý dùng để đánh giá việc thực thi.

4. Tổng hợp

- Triển khai và giám sát các chính sách, các chiến lược đầu tư, tổ chức quản lý và các tiêu chuẩn hợp lý như là một phần của một chương trình thống nhất, và thực hiện việc đánh giá, nếu cần thiết, nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

QLTHVB có thể được tiến hành ở mọi cấp chính quyền. Không nhất thiết phải chờ nhà nước ban hành các chính sách trước khi thử nghiệm áp dụng các nguyên tắc, khái niệm và chỉ dẫn của QLTHVB vào các vấn đề quản lý vùng bờ hoặc vào việc tác động làm nảy sinh các mô hình phát triển mới cấp địa phương.

THỰC HÀNH HIỆU QUẢ



Các thực hành có hiệu quả áp dụng cho mọi tình thế quản lý vùng bờ được phác họa trong các mục sau:

- Chọn phương pháp tiếp cận hệ thống và mở rộng dần trong việc xây dựng và thực hiện các dự án và chương trình QLTHVB

QLTHVB cần được phát triển một cách hệ thống có tính đến thời gian cho việc thu hút các nguồn kinh phí và xây dựng năng lực quản lý và kỹ thuật cấp địa phương nhằm trợ giúp việc xác định và triển khai các can thiệp công nghệ thích hợp; hỗ trợ sự hợp tác giữa các cơ quan và các bên liên quan; nâng cao nhận thức và sửa đổi quan điểm của các nhà làm chính sách, các nhà quản lý kinh tế, tài nguyên và các nhà nghiên cứu khoa học.

Nên áp dụng QLTHVB cấp địa phương trước và sau đó mới tiến hành cho các chương trình nhiều hoài bão hơn ở cấp huyện, tỉnh và nhà nước khi đã có đủ kinh nghiệm. Trong khi sự ủng hộ rộng rãi từ phía nhà nước là cần thiết để sự hợp tác giữa các ngành và việc duy trì chính sách trở nên thuận lợi, thì điều quan trọng là các sáng kiến QLTHVB tạo ra sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng thông qua sự hợp nhất các bên có quyền lợi và bị ảnh hưởng (các bên liên quan) vào các quá trình qui hoạch và quản lý theo mô hình QLTHVB.

a. Áp dụng khuôn mẫu QLTHVB trong quản lý ngành

Cần áp dụng một cách hệ thống khuôn mẫu QLTHVB nhằm xây dựng một tổ hợp chính sách, quản lý và các can thiệp công nghệ để giải quyết những vấn đề quản lý nảy sinh từ sự phát triển kinh tế ngành. Khuôn mẫu chung về QLTHVB có thể giúp cho việc quản lý có hiệu quả nghề cá, nuôi trồng thủy sản, du lịch, cảng, công viên biển, vv...

b. Sử dụng tổ hợp các hành động quản lý

Khi triển khai QLTHVB cần lưu ý việc áp dụng tổ hợp các hành động quản lý bao gồm các công cụ quản lý theo cơ chế thị trường và theo pháp luật, các chương trình giáo dục và đào tạo, và các hình thức sinh sống thay thế.

c. Chọn cách tiếp cận phòng ngừa

Cần chọn cách tiếp cận phòng ngừa cho việc phát triển. Điều đó có nghĩa là việc phát triển không nên tiến hành khi chưa có đủ thông tin về những tác động có thể sinh ra đối với kinh tế, xã hội và môi trường cho phép quyết định các tác động đó có chấp nhận được hay không. Như vậy sẽ tránh được hoặc giảm thiểu các tranh chấp về sử dụng, các tác hại và sự mất mát không thể đảo ngược trong việc lựa chọn phát triển cho tương lai.

d. Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình QLTHVB

Cần thực hiện từng bước các quá trình lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá. Các quá trình này là những bộ phận hợp thành và liên tiếp nhau của thiết kế chương trình QLTHVB. Việc tuân thủ nghiêm ngặt sẽ đảm bảo sự thực hiện thành công chương trình, hoàn thiện và thanh lọc các biện pháp quản lý.

• Thu hút cộng đồng vào quá trình QLTHVB

Cần thu hút các bên liên quan ở mọi giai đoạn, mọi cấp trong việc xây dựng và thực hiện chương trình QLTHVB. Sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng sẽ giúp cho việc nâng cao nhận thức về đặc tính và giá trị của vùng bờ ở mọi cấp từ cộng đồng địa phương đến những người ra quyết định. Các bên liên quan tư nhân và nhà nước có thể tham gia phát hiện các tranh chấp về sử dụng và các vấn đề quản lý môi trường, xác định nguyên nhân và ảnh hưởng của chúng, trợ giúp trong việc giải quyết chúng. Sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng cũng tạo ra một cơ chế cho việc tư vấn, điều phối và cuối cùng là tổng hợp những nỗ lực của các cơ quan nhà nước khác nhau nhằm đạt được sự phát triển bền vững vùng bờ.

- Tổng hợp thông tin môi trường, kinh tế và xã hội ngay từ lúc bắt đầu quá trình QLTHVB

Cần đặc biệt lưu ý tính tổng thể của các thông tin môi trường, kinh tế và xã hội ngay từ lúc bắt đầu các dự án và chương trình phát triển vùng bờ. Do bản chất động và phức tạp của các hệ ven bờ, việc có được các thông tin khoa học có giá trị là điều rất quan trọng. Các thông tin khoa học tin cậy có thể thúc đẩy quá trình qui hoạch và quản lý, đồng thời giúp cho việc giám sát tính hiệu quả của các kế hoạch và chiến lược quản lý.

Việc thu thập thông tin là một quá trình liên tục trong chu trình QLTHVB, làm phong phú nhận thức của chúng ta theo tiến trình của nó. Vai trò chính của nghiên cứu là đảm bảo việc có được các thông tin cho từng giai đoạn chiến lược của sự phát triển QLTHVB. Trong khi nhiều thông tin nền có thể có được thì các số liệu quan trọng về động lực các hệ sinh thái và các tác động qua lại giữa những người sử dụng tài nguyên và các hệ sinh thái ven bờ lại thường bị thiếu.

Việc lấp những lỗ hổng này có thể đòi hỏi các nỗ lực nghiên cứu và thời gian đáng kể. Hầu hết các quốc gia có các thông tin thứ cấp phong phú liên quan đến dân số, môi trường tự nhiên và các điều kiện chính trị, văn hóa, kinh tế xã hội, ảnh hưởng đến việc hình thành các chính sách và chiến lược quản lý môi trường vùng bờ. Tuy nhiên, nhiều thông tin có thể có được lại đang lưu trữ trong các cơ quan chuyên ngành, các trường đại học hoặc trong sưu tập riêng của các chuyên gia. Vì thế, những nguồn thông tin này cần được phát hiện và phải có sự dàn xếp để lấy ra, xử lý và phân tích chúng nhằm tạo ra một hồ sơ môi trường vùng bờ có hệ thống. Hồ sơ này sẽ giúp cho việc xác định những lỗ hổng thông tin nghiêm trọng mà có thể phải khắc phục thông qua các nghiên cứu mới.

a. Đẩy mạnh nghiên cứu thiên hướng quản lý

Cần lập ra chương trình nghiên cứu nhằm thu hẹp những lỗ hổng thông tin và tăng cường cơ sở khoa học cho việc quản lý. Phải đặc biệt lưu ý rằng việc thu thập và phân tích các dữ liệu môi trường, kinh tế và xã hội có thể rất tốn kém và đòi hỏi nhiều thời gian. Nên ưu tiên việc thu thập các thông tin trợ giúp giải quyết những vấn đề quan trọng và cung cấp cơ sở tin cậy cho việc hình thành các kế hoạch và chiến lược quản lý.

Việc nghiên cứu có hiệu quả có thể phát hiện ra các phương án thay thế cho phát triển kinh tế bền vững vùng bờ và các nguồn tài nguyên ở đó, đồng thời lường trước được những tác động tiêu cực có thể xảy ra. Những biện pháp hiệu quả làm giảm thiểu các tác động đó có thể được xác định và đưa vào dự án QLTHVB nhằm bổ sung cho các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đã đặt ra. Nếu các tác động tiêu cực không thể tránh khỏi được phát hiện thì có thể phải cần đến đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

b. ĐTM một cách tổng thể trong xây dựng và thực hiện chương trình QLTHVB

Sự áp dụng ĐTM ở giai đoạn sau của việc lập kế hoạch dự án hoặc chương trình thường tỏ ra kém hiệu quả trong việc sửa đổi thiết kế dự án/ chương trình. Chủ động và sớm sử dụng các thông tin môi trường, kinh tế và xã hội trong quá trình QLTHVB có thể làm giảm đáng kể nhu cầu ĐTM tốn kém về thời gian và tiền của. Làm như vậy sẽ nhận ra một cách rõ ràng bản chất các tác động và các yếu tố cần được đánh giá để xác định xem các sửa đổi thiết kế dự án hoặc các biện pháp giảm thiểu bổ sung có hạn chế các tác động tiêu cực đến mức độ chấp nhận được hay không.

Cần sử dụng đánh giá tổng thể tác động môi trường (ĐTMTT) như một công cụ sàng lọc và dự báo có hiệu quả trong việc đánh giá những thay đổi có hại đối với môi trường gây ra bởi các tác động tích lũy hoặc cộng sinh của các hoạt động kinh tế. ĐTMTT cho phép chương trình QLTHVB thiết lập các biện pháp phòng hoặc chống trong giới hạn về khả năng chứa đựng và hấp thụ của môi trường. QLTHVB giúp cho ĐTMTT tập trung và hiệu quả hơn trong những vùng hoặc khu vực được thiết kế phát triển đa dạng.

c. Xem xét các đặc tính của tài sản công cộng trong đánh giá kinh tế

Cần đảm bảo rằng các đặc tính của tài sản công cộng của các nguồn tài nguyên vùng bờ được đưa trọn vẹn vào các đánh giá kinh tế về giá trị của các vùng bờ cũng như về các hình thức phát triển thay thế. Lịch sử phát triển lâu đời ở châu Á cũng như các khu vực nhiệt đới khác đã dẫn đến sự phát triển các mô hình phức tạp về sử dụng tài nguyên và quyền tiếp cận đến các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhiều hệ tài nguyên như rạn san hô, cửa sông, bãi bùn, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn được xem là một

phần tài sản của cộng đồng hay *tài sản chung* của xã hội. Các hình thức quản lý tài nguyên truyền thống thường không đứng vững được trong điều kiện dân số tăng nhanh và dưới sức ép của sự phát triển mở rộng với cường độ cao. QLTHVB giúp ta tránh hoặc giảm nhẹ các vấn đề liên quan đến việc khai thác quá mức và sự suy giảm các nguồn tài sản chung nhờ áp dụng các biện pháp như phân định quyền sử dụng, phân vùng cho quản lý sử dụng đa mục tiêu và truyền bá các thực hành quản lý tài nguyên đã được hoàn thiện.

d. Đưa các phân tích chi phí-lợi ích vào việc đánh giá các phương án phát triển

Cần tiến hành các phân tích chi phí-lợi ích để chương trình QLTHVB dễ được chấp nhận và phê chuẩn. Cần xem xét các giá trị trực tiếp lẫn gián tiếp của các nguồn tài nguyên thiên nhiên tức là các vật phẩm và ích lợi kinh tế và môi trường do các hệ sinh thái ven bờ tạo ra. Nên hết sức thận trọng trong việc đánh giá các khía cạnh văn hóa, *tinh thần* hoặc những yếu tố mang tính trừu tượng có thể thay đổi rất nhiều phụ thuộc vào sự quan tâm của các nhóm có quyền lợi kinh tế, xã hội khác nhau. Các giá trị về chất liên quan đến việc sử dụng không tiêu hao các nguồn tài nguyên biển và ven bờ có thể là quan trọng đối với các nhà làm chính sách.

• Thiết lập cơ chế tổng hợp và phối hợp

Cần phát triển các cơ cấu tổ chức nhằm thúc đẩy việc tổng hợp và phối hợp chương trình QLTHVB. Tổng hợp và phối hợp là hai yếu tố hỗ trợ lẫn nhau.

Tổng hợp mang đến sự hài hòa trong chính sách và luật pháp giữa các cấp chính quyền trung ương, tỉnh thành và địa phương, sự liên kết quản lý các hệ tài nguyên chặt chẽ hơn và sự phối hợp về chức năng tốt hơn giữa chủ nhân của nguồn tài nguyên liên quan và các cơ quan quản lý. Sự tổng hợp bắt đầu ngay ở giai đoạn khởi thảo kế hoạch.

Sự phối hợp đóng vai trò trung tâm trong việc tăng cường hiểu biết và hợp tác giữa các bên liên quan, các cơ quan ngành dọc, các nhà nghiên cứu, làm chính sách và quản lý tài nguyên. Một cơ chế tổ chức cho sự phối hợp xây dựng và thực hiện chương trình QLTHVB là đặc biệt cần thiết ở cấp địa phương. Một cơ chế như vậy dễ được chấp nhận hơn vì nó được thiết lập ngay trong cấu trúc quản lý hiện hành.

- Thiết lập cơ chế tạo nguồn tài chính lâu bền

Cần phát triển các cơ chế tạo nguồn tài chính lâu bền trong chương trình QLTHVB nhằm đảm bảo tính liên tục của chương trình. Việc đó cũng quan trọng như việc thiết lập các cơ cấu tổ chức hợp lý. Khi xây dựng dự án hoặc chương trình QLTHVB, các nguồn tài chính sử dụng cho việc duy trì các hoạt động quản lý cần được thăm dò trước khi hoàn thành việc lập kế hoạch cho dự án hoặc chương trình đó.

- Phát triển năng lực QLTHVB ở mọi cấp

Cần tăng cường năng lực của các bên liên quan để họ đóng góp một cách hiệu quả cho chương trình QLTHVB. Trở ngại chính trong các chương trình QLTHVB là thiếu năng lực kỹ thuật và quản lý, đặc biệt ở cấp địa phương. QLTHVB đòi hỏi các nhà quản lý vùng bờ phải được đào tạo rộng về quản lý môi trường để điều khiển và phối hợp việc xây dựng và thực hiện chương trình. Tuy nhiên, không phải đã sẵn có những nhà quản lý vùng bờ có năng lực trong giao thiệp để phối hợp các hoạt động giữa các cơ quan, để huy động các nguồn tài chính và nhân lực và để lãnh đạo các nghiên cứu thiên hướng quản lý và phát triển thông tin. Nếu tiềm lực này không được tạo lập thì việc xây dựng và thực hiện chương trình QLTHVB sẽ gặp khó khăn. Để trợ giúp cho việc hình thành, thiết kế, và thực hiện thành công chương trình QLTHVB, đòi hỏi phải có các kỹ năng quản lý kỹ thuật và chuyên nghiệp theo quy mô rộng, bao gồm:

- (a) Đánh giá môi trường và phân tích tài nguyên,
- (b) Kinh tế môi trường,
- (c) DTM
- (d) Hệ thông tin địa lý (GIS) và quản lý thông tin,
- (e) Xã hội học,
- (f) Luật,
- (g) Chính sách và qui hoạch sử dụng đất,
- (h) Công nghệ giảm thiểu ô nhiễm,
- (i) Phát triển chương trình,
- (j) Thông tin liên lạc.

Chương trình QLTHVB cần áp dụng các chiến lược nhằm đạt mục đích tăng cường các nguồn nhân lực và năng lực tổ chức. Một trong các cách tốt nhất để có được kiến thức và kỹ năng quản lý thực hành là thông qua việc đào tạo tại nghiệp và tham gia tích cực vào các chương trình QLTHVB hiện có. Cũng cần phải lưu ý đến việc tăng cường khả năng đóng góp cho QLTHVB của các bên liên quan. Điều đó có thể thực hiện được thông qua các buổi hội họp công cộng, các dịch vụ mở rộng và các hội thảo.

- Giám sát tính hiệu quả của các dự án và chương trình QLTHVB.

Cần giám sát các tác động kinh tế, xã hội và môi trường trong suốt thời gian tồn tại của chương trình QLTHVB. Do bản chất động và phức tạp của các hệ ven bờ, không phải bao giờ cũng có khả năng dự báo chính xác được hiệu quả kinh tế và diễn biến môi trường của các dự án và chương trình QLTHVB. Điều này đặc biệt đúng đối với các hệ ven bờ nhiệt đới, nơi mà kiến thức khoa học thường còn hạn chế. Ngay trong giai đoạn đầu của quá trình QLTHVB phải xác định các yếu tố cần giám sát và đưa ra các tiêu chuẩn và qui trình giám sát.

Giám sát sẽ giúp ta có được một công cụ mạnh để đánh giá diễn biến của dự án và sớm đưa ra sự cảnh báo về các ảnh hưởng có hại, mà nhờ đó, các biện pháp hiệu chỉnh có thể được thực hiện để sửa thiết kế và cách quản lý dự án, tránh mắc phải những tác động không thể đảo ngược. Giám sát cũng là công cụ để đánh giá tính hiệu quả của dự án hoặc chương trình QLTHVB dựa trên các nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra.



Các thực hành có hiệu quả trong QLTHVB

- 1. Chọn phương pháp tiếp cận hệ thống và mở rộng dần trong việc xây dựng và thực hiện các dự án và chương trình QLTHVB*
- 2. Thu hút cộng đồng vào quá trình QLTHVB*
- 3. Tổng hợp thông tin môi trường, kinh tế và xã hội ngay từ lúc bắt đầu quá trình QLTHVB*
- 4. Thiết lập cơ chế tổng hợp và phối hợp*
- 5. Thiết lập cơ chế tạo nguồn tài chính lâu bền*
- 6. Phát triển năng lực QLTHVB ở mọi cấp*
- 7. Giám sát tính hiệu quả của các dự án và chương trình QLTHVB.*

5. Đánh giá các thành tựu trên cơ sở mục tiêu và nhiệm vụ đã đặt ra.
6. Duy trì chương trình QLTHVB tại vùng thí điểm.
7. Củng cố các kinh nghiệm, kiến thức, cách tiệm cận, phương pháp và kỹ năng có được qua dự án thí điểm.

Áp dụng

Khai triển việc áp dụng chương trình QLTHVB đã được thiết lập chuẩn tắc

1. Giới thiệu thành quả của vùng thí điểm và vận động QLTHVB cho những vùng khác bằng cách chỉ ra rằng cơ cấu tổ chức của nó hoạt động tốt, vai trò của nó rõ ràng và được cộng đồng cũng như các cơ quan nhà nước khác chấp nhận.
2. Cần thể hiện rằng các vấn đề ven bờ đã chọn đang được giải quyết thành công với một quy mô lớn và các cơ hội cho việc phát triển hợp lý cũng như các nhu cầu về hành động phòng ngừa đã được nhận biết và tiến hành.
3. Vận động việc chọn QLTHVB cho các vùng bờ khác ở cấp địa phương với mô hình nguyên bản hoặc có điều chỉnh.



4. Tiếp tục hoàn thiện các phương pháp và cách tiếp cận QLTHVB cho việc áp dụng quản lý phát triển ngành bao gồm nghề cá, nuôi trồng thủy sản, cảng, bến tàu, du lịch và công nghiệp.
5. Xây dựng các chính sách vùng bờ cấp tỉnh và trung ương nhằm thiết lập các chương trình QLTHVB cho các vùng bờ đó.
6. Tăng cường tiềm lực cấp tỉnh và trung ương trong QLTHVB thông qua các cấp chính quyền, các cơ quan khoa học và khu vực tư nhân.
7. Đảm bảo và duy trì vững chắc hơn sự ủy thác chính trị và ưu tiên đối với QLTHVB.

Mở rộng

Xây dựng một chương trình vùng bờ có hiệu quả cấp nhà nước

1. Thiết lập chính sách vùng bờ thích hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng chương trình QLTHVB cấp nhà nước, tỉnh và địa phương, được xác định bởi phạm vi địa lý và các điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của vùng bờ đó.
2. Thiết lập chương trình vùng bờ thích hợp đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển quốc gia, tỉnh và địa phương và các điều kiện môi trường.
3. Điều hòa luật lệ về biển và đới bờ giữa địa phương, tỉnh và trung ương nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý và thi hành pháp luật.
4. Tăng cường các nghiên cứu liên ngành về các vấn đề quản lý chung và xây dựng các văn bản giám sát chất lượng môi trường chuẩn.
5. Đảm bảo sự cân bằng giữa quyền cá nhân và tập thể, giữa lợi ích địa phương và quốc gia.

6. Hợp nhất các quá trình QLTHVB với những qui trình có hiệu quả chi phối việc sử dụng các lưu vực và các vùng biên ven bờ.
7. Vận động việc chấp nhận và thực hiện các công ước và hiệp định quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề xuyên biên giới.
8. Thiết lập một chương trình xây dựng tiềm lực dài hạn nhằm trao đổi kinh nghiệm và phát triển kỹ năng.
9. Phát triển cơ chế tạo nguồn tài chính lâu bền cấp nhà nước có khả năng huy động các nguồn tài chính từ phía chính quyền, khu vực tư nhân, các nhà tài trợ và những người sử dụng tài nguyên.
10. Đưa chương trình QLTHVB vào các kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia.
11. Áp dụng cách tiếp cận QLTHVB vào việc giải quyết các vấn đề liên quan ở mức quốc tế.

Sự tiến triển của QLTHVB có thể mở ra khả năng giải quyết các vấn đề xuyên biên giới ở mức quốc tế. Ví dụ, các nước thành viên khối ASEAN đã hợp tác trong việc phát triển sáng kiến khu vực về QLTHVB bằng việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm khoa học. Các dự án thí điểm trong mỗi nước thành viên đó đã cung cấp các mô hình cho việc mở rộng QLTHVB ở cấp tỉnh và quốc gia, đề cập đến những vấn đề chung như sự cần thiết phải giảm ô nhiễm biên và bảo vệ các sinh cảnh ven bờ, nơi cung cấp các bãi cá chung.

Đan Mạch, Đức và Hà Lan đã thiết lập *Hiệp định ba bên* và các nhóm hoạt động liên chính phủ hỗ trợ việc cân đối các chính sách, luật pháp và tổ chức quản lý tương ứng của mỗi nước nhằm thúc đẩy quá trình phát triển bền vững hệ sinh thái ven bờ biển Wadden chung của ba nước.

Cả hai sáng kiến trên cho thấy rằng QLTHVB có thể hỗ trợ giải quyết các vấn đề mang tính quốc gia và quốc tế ảnh hưởng đến việc sử dụng lâu bền các hệ biên và ven bờ.

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ HỘI THẢO

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ
1	Nguyễn Văn A	Chủ tịch	UBND Thị trấn
2	Trần Thị B	Phó Chủ tịch	UBND Thị trấn
3	Đỗ Văn C	Chủ tịch	UBND Thị trấn
4	Nguyễn Thị D	Phó Chủ tịch	UBND Thị trấn
5	Nguyễn Văn E	Chủ tịch	UBND Thị trấn
6	Trần Thị F	Phó Chủ tịch	UBND Thị trấn
7	Đỗ Văn G	Chủ tịch	UBND Thị trấn
8	Nguyễn Thị H	Phó Chủ tịch	UBND Thị trấn
9	Nguyễn Văn I	Chủ tịch	UBND Thị trấn
10	Trần Thị J	Phó Chủ tịch	UBND Thị trấn

- Úc Ts. Kenneth Brown, Viện Quản lý Tài nguyên Vùng bờ, Trường Đại học Công nghệ, Sydney và Ts. Richard Kenchington, Cục Công viên Biển Great Barrier Reef, Canberra.
- Căm-pu-chia Ông Chin Samouth và ông Long Rithirak, Bộ Môi trường, Phnom-pênh.
- Trung Quốc Ông Chen Bingxin, ông Chen Jian, ông Guo Shuihuo, ông Huang Zongguo, ông Niu Wensheng, ông Su Jilan, bà Tan Xinjiao, ông Tian Hongguo, bà Wei Xiaofang, bà Wen Wen, ông Xia Donglan, ông Xu Kuncan, bà Xu Lina, ông Xu Yukun và bà Yin Ping, Ủy ban Hải dương Quốc gia. Ông Chen Guoqiang, Cục Quản lý Biển Hạ Môn. Ông Du Qi và ông Lu Zhenbin, Viện Ngư nghiệp Fujian. Ông Feng Jinan và ông Ye Huanqiang, Phòng Quản lý Biển và Ngư nghiệp Quảng Đông. Ông Guo Yunmou, Viện Hải dương Fujian. Ông Hao Songqiao, Phòng Quản lý Hồ Yuan Dang, Hạ Môn. Ông He Qingcheng, bà Zhang Weidong và ông Zhou Yongqing, Viện Địa chất Môi trường. Ts. Hong Huasheng, ông Lin Yuanshao, ông Xue Xiongzhi và ông Yao Lixin, Trường Đại học Tổng hợp Hạ Môn. Ông Huang Qingming, Phòng Quản lý Biển Zhejiang. Ông Huang Shuchi, ông Zheng Chuanmao và ông Zheng Jialin, Văn phòng Ủy ban Điều hành Dự án Thí điểm Hạ Môn. Ông Jia Yu, Học viện Luật pháp Biển Trung Quốc. Ông Kang Tao, ông Li Ye, ông Xie Haisheng và ông Xu mo, Ủy ban Kế hoạch Hạ Môn. Ông Lin Zhinwen, Phòng Quản lý Biển Xinglin. Ông Pan Jiangang, Cục Hàng hải tỉnh Hải Nam. Ông Wang Hong, Trung tâm Thông tin Biển Quốc gia. Ông Wang Lu, Viện Kế hoạch hóa và Phát triển Biển tỉnh Hải Nam. Ông Wang Tiemin, Phòng Quản lý Biển và Ngư nghiệp Giang Đông. Ts. Wang Ying và ông Zhou Xingqing, Trường Đại học Tổng hợp Nanjing. Ông Yang Pen Shi, Văn phòng Chính quyền Thành phố Hạ Môn. Ông Zhuang Shijian, Trạm Kiểm soát Môi trường Hạ Môn. Bà Chen Chunfang, ông Chen Mingdian, ông Chen Mingbin, bà Gao Lichun, ông Huang Wenzhan, ông Lin Rongsheng, ông Ren Jun, ông Song Haiou, ông Shi Qian và ông Zhang Donghui, Dự án Thí điểm Hạ Môn.
- Đan Mạch Ông Naomi Elkington, Ramboll, Virum và ông Jesper Duer Pedersen, Khoa Nghiên cứu Môi trường, Công nghệ và Xã hội, Trường Đại học Tổng hợp Roskilde.

Hồng Kông	Ts. Ducan McInnis, Trung tâm Nghiên cứu, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hồng Kông. Ts. Brian Morton, Viện Nghiên cứu Khoa học Biển Swire, Trường Đại học Tổng hợp Hồng Kông. Ts. Rudolf Wu, Khoa Sinh và Hóa, Trường Đại học Đô thị Hồng Kông.
In-đô-nê-xia	Ts. Rokhmin Dahuri, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Bogor.
Nhật Bản	Ts. Kenji Hotta, Khối Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Tổng hợp Nihon. Ông Tetsuo Suzuki, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TERRAX, thành phố Fukui.
Ke-nia	Ts. Ezekiel Okemwa, Viện Nghiên cứu Biển và Ngư nghiệp Ke-nia, Mombasa.
Hàn Quốc	Ts. Jihyun Lee và bà Sunwook Hong, Viện Nghiên cứu và Phát triển Hải dương học Triều tiên, Xê-un.
Ma-lai-xia	Ông Datin Fatimah Abdullah, Ban Kế hoạch hóa Kinh tế Quốc gia, Johor Bahru. Ts. Chua Soi Lek, ông Yap Chik Dong và ông Tan Kok Hong, Chính quyền bang Johor, Ma-lai-xia. Ông Rusli bin Che Husin, Cục Môi trường, Johor Bahru. Ông Chan Choong Cheong, Ủy ban Phát triển Thủy nông và Nông nghiệp, Johor Bahru. Ông Wong Foon Meng, Ủy ban Phát triển Quốc gia về các Vấn đề Môi trường, Sức khỏe và Tiêu dùng, Terengganu. Ông Abu Bakar Bin Mohd Yusof, Phòng Thủy nông, Terengganu.
Phi-lip-pin	Ông Cesar Abrenilla, Cục Nghiên cứu và Phát triển các Hệ sinh thái. Ts. Angel Alcala, Ủy ban Giáo dục Cao học. Ông Alfredo Isidro, Bộ Khu vực và Chương trình Nông Ngư nghiệp. Ts. Liana McManus, Viện Khoa học Biển, Trường Đại học Tổng hợp Phi-lip-pin.
Xinh-ga-po	Ts. Chia Lij Sien và Ts. Wong Poh Poh, Khoa Địa, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Xinh-ga-po. Ts. Chou Loke Ming, Khoa Động vật học, Trường Đại học Tổng hợp Xinh-ga-po.
Nam Phi	Ts. D. E. (Niel) Malan, Bộ Môi trường và Du lịch, Kaapstad.

Xri Lanca	Ts. Pauline Dayaratne, Cục Nghiên cứu và Phát triển các Nguồn Tài nguyên Ngư nghiệp Quốc gia, Cô-lôm-bô. Ts. Jayampathy Samarkoon, Cục Môi trường Trung ương.
Tan-za-nia	Ông Solomon Jusuf Makoloweka và ông George Ngatara Uromu, Chương trình Bảo tồn và Phát triển Vùng bờ Tanga.
Đài Loan, Trung Quốc	Ts. Kuen-Chen Fu, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Đài Loan. Ts. Chen-yo Choh, Viên Luật pháp Biển, Trường Đại học Hải dương Quốc gia Đài Loan. Ts. Chiaw Wen Yan, Khoa Môi trường Biển, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Sun Yat-Sen.
Thái Lan	Ts. Sanit Aksornkoae, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Tổng hợp Kasetsart. Ông Chanvit Amatamatucharti và ông Kriengsak Rabilwongse, Ban Dự án Cơ sở Hạ tầng, Bộ Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia. Ts. Apisit Eiumnoh, Trung tâm Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Công nghệ châu Á. Ts. Pipat Patanaponpaiboon, Viện Nghiên cứu Nguồn lợi Thủy sản và Ts. Suraphon Sudara, Khoa Khoa học Biển, Trường Đại học Tổng hợp Chulalongkorn. Ông Sirichai Roungrit, Ban Quản lý Tài nguyên Biển và Ven bờ, Cục Chính sách và Kế hoạch Môi trường.
Vương Quốc Anh	Ts. Peter Burbridge, Khoa Khoa học Biển và Quản lý Vùng bờ, Trường Đại học Tổng hợp Newcastle.
Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ	Ts. Billiana Cicin-Sain, Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Biển, Trường Đại học Tổng hợp Delaware. Ts. John Clark, Trường Đại học Tổng hợp Miami/RSMAS. Ts. Stephen Olsen, Trung tâm Tài nguyên Vùng bờ, Trường Đại học Tổng hợp Đảo Rhode. Ts. Jens Sorensen, Trung tâm Cảng và Vùng bờ, Trường Đại học Tổng hợp Massachusetts, Boston.
Việt Nam	Ts. Lê Huy Ba, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. Ts. Nguyễn Chu Hồi, Viện Hải dương học Hải Phòng. Ts. Nguyễn Tác An, Viện Hải dương học Nha Trang.

CCOP	Ủy ban Điều phối Thăm dò Ngoài khơi, Băng-cốc, Thái Lan. - Ts. Bert Van Der Valk.
CMC	Trung tâm Quản lý Đới bờ, Ma-ni-la, Phi-lip-pin. - Bà Nancy Bermas, Ts. Edgardo Gomez và Ts. Ranjith de Silva.
DANCED	Tổ chức Hợp tác về Môi trường và Phát triển Đan Mạch - Ông Kirsten Worm.
FAO	Tổ chức Thực phẩm và Nông nghiệp, Băng-cốc, Thái Lan. - Ts. Veravat Hongskul.
IMO	Tổ chức Biển Quốc tế, Ma-ni-la, Phi-lip-pin. - Ts. Chua Thia-Eng, bà Socorro Guerrero, ông James Paw và Ts. Huming Yu.
IUCN	Liên hiệp Bảo tồn Thế giới, Gland, Thụy Sĩ. - Ts. Magnus Ngoile.
NORTH SEA CENTER	Hirtshals, Đan Mạch. - Ts. Sten Sverdrup Jensen.
SIDA	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Thụy Điển, Stockholm, Thụy Điển. - Ts. Anders Granlund.
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc. - Ông Arthur Holcombe và bà Huo Xinan, Bắc Kinh. Ts. Phillip Reynolds, Nữu Ước
USAID	Tổ chức Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, Ja-cac-ta, In-đô-nê-xia. - Ts. Andrea Yates.
WIOMSA	Hội Khoa học Biển Tây Ấn độ dương, Zan-zi-bar, Tan-zania. - Bà Sarah Humphrey.

